

VĂN HOÁ PHÁP LÝ VÀ ĐẶC ĐIỂM TRUYỀN THỐNG VĂN HOÁ PHÁP LÝ VIỆT NAM

*Dương Văn Châm**

1. Văn hoá pháp lý và truyền thống văn hoá pháp lý Việt Nam

1.1. Văn hoá là một khái niệm rộng, được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Năm 1977, D. Paul Scheffer, chuyên gia của UNESCO đã thống kê được 256 định nghĩa khác nhau về văn hoá¹. Tuy nhiên, trong các quan niệm về văn hoá đó đều có một điểm chung: Văn hoá gắn liền với sự phát triển của xã hội loài người và phản ánh trình độ văn minh của xã hội. Văn hoá là hệ thống giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra, tích lũy và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác phản ánh nhu cầu và năng lực của con người hướng tới chân, thiện, mỹ; là giá trị tồn tại trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội.

Văn hoá pháp lý là một bộ phận của nền văn hoá nói chung, là kết quả của bản thân hoạt động pháp luật của mỗi quốc gia, một dân tộc, một cộng đồng người.

Về phương diện lý luận, văn hoá pháp lý ngày càng được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, theo GS.TS. Lê Minh Tâm: Văn hoá pháp luật, nói một cách tổng quát là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần mà con người sáng tạo ra trong lĩnh vực pháp luật, bao gồm hệ thống quy phạm pháp luật trong các thời kỳ lịch sử, những tư tưởng, quan điểm, luận điểm, nguyên lý, nguyên tắc, những tác phẩm văn hoá pháp luật, những kinh nghiệm và thói quen tích lũy được trong quá trình xây dựng và thực thi pháp luật...². TS. Lê Thanh Thập viết: “Văn hoá pháp luật là những giá trị nhân đạo, tiến bộ, tích cực

của hệ thống pháp luật trong xã hội được thể hiện trong các đạo luật và thiết chế xã hội. Đồng thời, các giá trị đó còn được thể hiện trong các hoạt động lập pháp, thẩm thấu vào nhận thức và hành động của mỗi cá nhân, biến thành nhu cầu thường trực trong ứng xử của họ”³. Với PGS.TS. Nguyễn Văn Mạnh: “Văn hoá pháp luật là một bộ phận của nền tảng tinh thần xã hội, biểu hiện trình độ văn minh của đời sống pháp luật trong xã hội bao gồm tư tưởng, quan điểm khoa học về pháp luật gắn với hệ thống pháp luật, được đưa vào vận hành trong đời sống cộng đồng thông qua các thiết chế chính trị – xã hội và được biểu hiện bằng hành vi thực hiện pháp luật của cá nhân, tổ chức và cộng đồng xã hội nhằm phục vụ cho đời sống xã hội của con người và sự phát triển của xã hội”⁴.

Xuất phát từ các yếu tố hợp thành, luật sư Lê Đức Tiết cho rằng: “Văn hóa pháp lý là một dạng, một bộ phận hợp thành của nền văn hóa dân tộc. Cũng như các dạng, thành phần văn hóa khác, văn hóa pháp lý bao gồm trong nó ba yếu tố: Ý thức pháp luật của Nhà nước, của dân tộc, của các cộng đồng và của các công dân qua các thời kỳ lịch sử; trình độ, kỹ năng, nghệ thuật với vai trò là vũ khí bảo vệ quyền con người, quyền công dân, là công cụ quản lý thống nhất của Nhà nước, của xã hội, là mục thước xử sự đúng pháp luật của mọi công dân”⁵.

Năm 2001, tại Hội thảo khoa học của Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý thuộc Bộ Tư pháp về Văn hóa tư pháp, các nhà khoa

* ThS. Trường Chính trị tỉnh Bến Tre.

¹ Lê Đức Tiết, *Văn hóa pháp lý Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, 2005, tr.16.

² Lê Minh Tâm, “Vấn đề văn hóa pháp luật nước ta trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Luật học*, 1998, số 5, tr.18.

³ Lê Thanh Thập, “Mấy suy nghĩ về văn hóa và văn hóa pháp luật nước ta”, *Tạp chí Luật học*, 1999, tr.26.

⁴ “Khái niệm về văn hóa pháp luật và quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về văn hóa pháp luật”, *Thông tin nhà nước và pháp luật*, số 1, tr.13.

⁵ Lê Đức Tiết, *Văn hóa pháp lý Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2005, tr.34-35.

học đã đề cập đến nên diễn đạt thuật ngữ “văn hóa pháp luật” hay “văn hóa pháp lý” và có quan điểm nên sử dụng thuật ngữ “văn hóa pháp lý”, bởi khái niệm pháp lý rộng hơn khái niệm pháp luật, phù hợp hơn⁶. Tác giả hoàn toàn thống nhất với nhận thức văn hóa pháp lý tại cuộc Hội thảo này.

Từ những cách tiếp cận như trên, tác giả cho rằng khái niệm văn hóa pháp lý của tác giả trong Từ điển Luật học – Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp là đầy đủ nhất, theo đó: “Văn hóa pháp lý là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần mang tính pháp lý không có sẵn trong thiên nhiên mà do Nhà nước và nhân dân tạo ra. Do pháp luật có một vị trí đặc biệt trong đời sống của một quốc gia, có quan hệ mật thiết với đời sống con người, gắn liền hữu cơ với những phạm trù có vị trí đặc biệt trong đời sống tinh thần của một cá nhân như công bằng, lẽ phải, công lí, dân chủ tự do, nên ở mỗi con người, nhìn từ nhiều góc độ, có mối quan tâm đặc biệt đối với pháp luật, đời sống pháp luật của xã hội làm hình thành ở mỗi con người những quan niệm, nhận thức, có khi cả những lý tưởng đối với những giá trị của pháp luật; đồng thời, cũng làm hình thành thói quen, ham muốn, thích thú được sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật, qua pháp luật, qua thời gian được nâng lên thành lý tưởng, thành nhân sinh quan pháp luật có tính văn hóa và giá trị văn hóa cao, đặc thù ở cả một bộ phận, có khi không nhỏ của dân cư, trở thành một bộ phận không thể tách rời của văn hóa dân tộc. Văn hóa pháp lý là một bộ phận cấu thành của một nền văn hóa dân tộc. Văn hóa pháp lý bao gồm hệ thống pháp luật, ý thức pháp luật (gồm tư tưởng pháp luật và tâm lý pháp luật), thể hiện ở tri thức pháp luật, thói quen, lối sống theo pháp luật, nghệ thuật vận dụng pháp luật trong đời sống hàng ngày”⁷.

Từ đó, có thể hiểu một cách ngắn gọn: Văn hóa pháp lý là sự phản ánh và thể hiện một cách tổng quát, sống động mọi mặt của đời sống pháp luật (của cá nhân và cộng đồng) đã diễn ra trong quá khứ và hiện tại, nó cấu thành một hệ thống giá trị và lối sống pháp luật của một cộng đồng, một quốc gia, dân tộc. Văn hóa pháp lý có cấu trúc gồm: Hệ thống pháp luật, ý thức pháp luật (gồm tư tưởng pháp luật và tâm lý pháp luật) và hành vi, lối sống theo pháp luật.

1.2. Truyền thống trong gốc chữ La – tinh là: “Traditio”, dịch nghĩa là: Nối đời, nối truyền, truyền lại... Truyền thống là những gì được truyền từ đời này sang đời khác. Với người Trung Quốc: “Truyền thống là sức mạnh của tập quán xã hội được lưu truyền lại từ lịch sử. Nó tồn tại ở các lĩnh vực chế độ, tư tưởng văn hóa, đạo đức. Truyền thống có tác động khống chế vô hình đến hành vi xã hội của con người. Truyền thống biểu hiện tính kế thừa của lịch sử”. Bách khoa từ điển Xô - Việt quan niệm, truyền thống: “Đó là những yếu tố của di sản văn hóa, xã hội truyền từ đời này sang đời khác và được lưu giữ trong các xã hội, giai cấp và nhóm xã hội trong một quá trình lâu dài. Truyền thống được thể hiện trong chế định xã hội, chuẩn mực của hành vi, các giá trị, tư tưởng, phong tục, tập quán và lối sống... Truyền thống tác động khống chế đến mọi xã hội và tất cả mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội”⁸.

Giáo sư Trần Quốc Vượng chỉ rõ: “Có thể hiểu “truyền thống” như là một hệ thống các tính cách, các thể ứng xử của một cộng đồng, được hình thành trong lịch sử, trong một môi trường sinh thái và nhân văn nhất định, trở nên ổn định, trường tồn, nhưng không vĩnh cửu, có thể định chế hóa bằng luật hay lệ (phong tục, tập quán) và được

⁶ Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý, *Thông tin khoa học pháp lý. Chuyên đề văn hóa tư pháp*. Bộ Tư pháp, 2001, tr. 16.

⁷ Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý, *Từ điển Luật học*, Bộ Tư pháp, Nxb. Tư pháp và Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2006, tr. 840.

⁸ Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang (chủ biên), *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay*, tập 1, Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước KX 07, Đề tài KX07-02, Hà Nội, 1994, tr.10.

⁹ Phan Huy Lê, Vũ Minh Giang (chủ biên), *Các giá trị truyền thống và con người Việt Nam hiện nay*, tập 1, Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước KX 07, Đề tài KX07-02, Hà Nội, 1994, tr.10.

trao quyền từ thế hệ này sang thế hệ khác - có thể gọi là di truyền văn hóa, bên cạnh sự di truyền sinh vật về thân xác - để đảm bảo tính đồng nhất của một cộng đồng”¹⁰.

Từ những quan niệm trên, cho thấy khái niệm truyền thống không đồng nhất với những gì diễn ra trong quá khứ. Truyền thống là những yếu tố của di sản văn hóa, xã hội từ đời này sang đời khác. Nó là sản phẩm của sự thống nhất giữa điều kiện khách quan và chủ quan, chịu sự chi phối của môi trường tự nhiên, điều kiện địa lý, hoàn cảnh lịch sử xã hội... Truyền thống mang tính chất ổn định, trường tồn và được chuyển trao (truyền) và nối tiếp (thống) từ thế hệ này sang thế hệ khác. Truyền thống bao hàm cả mặt tốt và mặt xấu, có cả truyền thống tốt đẹp và truyền thống tiêu cực (yếu tố tiêu cực). Các truyền thống tiêu cực là lực cản (cản trở) văn hóa phát triển. Những truyền thống tốt đẹp đó chính là những giá trị truyền thống của một cộng đồng được hình thành, giữ gìn và phát huy trong quá trình lịch sử, gắn liền với giá trị chân, thiện, mỹ, phù hợp với chuẩn mực của đời sống xã hội, thúc đẩy con người phát triển, vươn tới những phẩm chất chất tốt đẹp.

Vì vậy, khi nói truyền thống văn hóa pháp lý, hàm ý nói tới những giá trị tương đối ổn định, những gì tốt đẹp, là tích cực, là tiêu biểu của đời sống pháp luật. Như thế, *“có thể hiểu truyền thống văn hóa pháp lý Việt là một hệ thống các giá trị văn hóa pháp lý Việt Nam biểu hiện bằng tính cách, các kiểu ứng xử của một cộng đồng, được hình thành trong lịch sử, phản ánh đời sống pháp luật, mang tính ổn định có thể được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.”*

2. Đặc điểm của truyền thống văn hóa pháp lý của Việt Nam

2.1. Tính nhân văn, kết hợp đức trị và pháp trị

¹⁰ Trần Quốc Vương, *Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn hóa dân tộc và Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội, 2001, tr. 102.

Từ lịch sử Nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam cho thấy, Việt Nam là quốc gia ở phương Đông vốn coi trọng đạo đức trong điều chỉnh quan hệ xã hội, dù có truyền thống pháp điển hóa thành hình luật. Lý Thái Tông - đời vua thứ hai của triều Lý - ban hành Bộ Hình thư, vì thấy “trong nước việc ngục hình kiện cáo phiền nhiễu, pháp quan câu nệ luật văn, chuộng xử nghiêm khắc, phần nhiều oan uổng, sai lầm...”. Vua lấy làm thương dân mới sai quan Trung thư san định luật lệnh¹¹. Trong thực hiện Hình thư, Lý Thánh Tông cũng thể hiện lòng nhân từ, thương người ở chốn lao tù. Mùa đông, tháng 10 (1055), đại hàn, vua bảo các quan tả hữu rằng: “Trẫm ở trong cung, sưởi than xương thú, mặc áo lông chồn còn rét thế này, nghĩ đến người tù còn bị giam trong ngục, khổ sở về công cùm, chưa rõ ngay gian, ăn không no bụng, mặc không kín thân, khốn khổ vì gió rét, hoặc có kẻ chết không đáng tội, trẫm rất thương xót. Vậy lệnh cho hữu ty phát chăn chiếu và cấp cơm ăn ngày hai bữa”¹².

Tư tưởng này được nhà Trần tiếp nối, năm 1341, Trần Du Tông sai Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn... khảo soạn Bộ Hình thư để ban hành, tức là coi trọng việc pháp trị, nhưng đồng thời dưới thời vua làm Thái thượng hoàng thì “Nguyễn Trung Ngạn kiến nghị lập tào thương chứa thóc tô để chẩn cấp dân bị đói. Xuống chiếu cho các lộ bắt chước thế mà làm” hay như năm 1345 thì “Xuống chiếu soát tù, giảm tội bọn tội phạm”¹³.

Những hành động như thế chứng tỏ nhà vua cũng rất quan tâm tới đời sống nhân dân, thể hiện quan điểm nhân trị sâu sắc. Đặc biệt hơn, dưới thời Trần, cơ quan tư pháp được thành lập gồm Thẩm hình viện và Tam tu

¹¹ Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 3, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1961, tr. 95.

¹² Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, *Dại Việt sử ký toàn thư*, tập 1. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983, tr. 271.

¹³ Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, *Dại Việt sử ký toàn thư*, tập 1. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983, tr. 273.

viện để đảm bảo việc xét xử án được công minh. Sang thời nhà Lê, dưới sự ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, dù vẫn kế thừa truyền thống hình luật từ thời Lý – Trần, nhưng Bộ luật Hồng Đức có nhiều tính nhân đạo, nhiều quy định bảo vệ quyền con người. Cùng với quan điểm nhân trị, Bộ luật Hồng Đức chịu ảnh hưởng của quan điểm pháp trị. Đến nhà Nguyễn, với Bộ luật Gia Long, thực hiện chế độ hình phạt hà khắc, phản ánh tính chuyên chế, trừng trị rõ rệt, nên nó làm giảm dần tính nhân văn trong truyền thống văn hóa pháp lý Việt Nam.

Sự kết hợp đức trị với pháp trị trong thuật trị nước, không quá chuyên chế, độc đoán; quan tâm đến cuộc sống của dân đã phản ánh phần nào tính nhân văn trong truyền thống văn hóa pháp lý Việt Nam. Cùng với tư tưởng kết hợp đức trị và pháp trị, truyền thống văn hóa pháp lý Việt Nam luôn bảo vệ quyền con người. Quyền con người dù tiếp cận ở góc độ nào cũng phai thừa nhận rằng, cái cốt lõi và thực chất của quyền con người là quyền được sống, được chăm sóc, được bảo vệ và tất cả các quyền khác của con người chỉ được thực hiện và có ý nghĩa khi quyền sống, quyền được chăm sóc, được bảo vệ, được tôn trọng, bảo đảm trong thực tế và được thể chế hóa bằng pháp luật. Trong lịch sử Nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam, đến thời nhà Tiền Lê chưa có pháp luật thành văn, quyền con người chưa được đảm bảo về mặt pháp lý. Dưới triều Lý, vì buổi đầu nhiều án oan sai, thương xót dân, Lý Thánh Tông ban hành Hình thư, dân lấy làm tiện. “Đến đây phép xử án được bằng phẳng, rõ ràng, nên đổi niên hiệu là Minh Đạo và đổi tiền Minh Đạo”¹⁴, phản ánh phần nào tư tưởng bảo vệ quyền con người ở thời Lý. Nhà Trần tiếp nối nhà Lý cũng đã thể hiện một Nhà nước thân dân, tôn trọng ý kiến nhân dân khi quyết định vấn đề sống còn của chế độ bằng Hội nghị Diên Hồng, phát huy sức mạnh toàn dân trong kháng

chiến chống quân Mông Nguyên... Đỉnh cao của truyền thống bảo vệ quyền con người được kết tinh trong Bộ luật Hồng Đức (Quốc triều Hình luật) thời Lê sơ. Bộ Quốc triều Hình luật có 6 quyển, 13 chương, 722 điều. Dù luật Hồng Đức tiếp thu nhiều thành tựu lập pháp của Trung Hoa, chịu ảnh hưởng của cả luật pháp nhà Đường và nhà Minh, nhưng khi nghiên cứu 722 điều của Bộ luật Hồng Đức với 502 điều trong luật nhà Đường và 460 điều của luật nhà Minh, có 220 điều khác biệt hoàn toàn. Trong đó có nhiều chế định pháp luật tiến bộ, giàu tính nhân văn, nhiều quy định bảo vệ quyền con người như về hôn nhân gia đình, thừa kế, bảo vệ quyền lợi người phụ nữ; xử nặng những người phạm tội xâm phạm luân thường đạo lý của dân tộc như tội ác nghịch: Đánh, mưu giết ông bà, cha mẹ; tội bất nghĩa: Giết quan lại, giết thầy học ... Giáo sư Olivier Oldman, chủ nhiệm khoa luật Đông Á, thuộc trường Luật Đại học Harvard, đã đánh giá: “Bộ luật thời Lê của nước Việt Nam truyền thống là một công trình bất hủ ở vùng đại Đông Á truyền thống ... Chúng ta thấy triều Lê vào những thế kỷ đặc sắc của mình đã nỗ lực xây dựng một quốc gia vững mạnh như thế nào để bảo vệ những quyền hợp pháp của con người thông qua một hệ thống pháp luật tiến bộ, trong đó có nhiều điều đã có thể sánh ngang về mặt chức năng với những quan điểm pháp luật phương Tây cận hiện đại”¹⁵.

2.2. Luật nước và luật làng (huương ước) bảo đảm dân chủ làng xã trong nhà nước quân chủ

Năm 906, người Việt giành lại được chính quyền từ tay các quan đô hộ của nhà Đường (Trung Quốc) đã đánh dấu một mốc quan trọng trong lịch sử dân tộc: Chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc đen tối kéo dài hơn 1.000 năm và mở ra một kỷ nguyên mới cho đất nước. Với nền tảng kinh tế là sản xuất nông

¹⁴ Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983, tr. 271.

¹⁵ T.Lecode (1987). Ohio University press, Ohio London, (Nguyễn Ngọc Huy, Tạ Văn Tài, Trần Văn Tài, Trần Văn Liêu dịch từ in trong “Một số chuyên đề lịch sử Việt Nam” (Trần Bá Đệ chủ biên), Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2007, tr. 102.

nghiệp tự cấp, tự túc đất nước luôn chứa đựng khuynh hướng phân tán, cát cứ. Chính vì thế, sau khi Ngô Quyền qua đời, chính quyền trung ương không điều hành nổi đất nước nữa, loạn 12 sứ quân. Đất nước cần một chính quyền trung ương vững mạnh. Sự kiện Đinh Bộ Lĩnh lần lượt đánh bại 12 sứ quân, thống nhất lại đất nước vào năm 967, một mặt thể hiện tài năng quân sự của ông, nhưng mặt khác, đó còn là biểu hiện sự thắng thế của khuynh hướng thống nhất quyền lực. Và từ đó về sau, dưới các triều đại phong kiến Việt Nam, tập quyền luôn là khuynh hướng chủ đạo. Nhà nước trung ương tập quyền dựa trên sở hữu tối cao của Nhà nước - đứng đầu là vua - đối với ruộng đất công xã, bóc lột nông dân. Đơn vị kinh tế - xã hội cơ bản của Nhà nước phong kiến từ thế kỷ X trở đi là các làng. Dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất hình thành chế độ ruộng đất công làng xã, do vậy giữa các thành viên của làng xã luôn giữ được bầu không khí hòa đồng, thống nhất. Làng với Nước có được sự hòa hợp và Nhà nước lấy sức mạnh của làng xã làm sức mạnh quốc gia. Nhà nước đã đồng nhất ruộng đất trong các làng xã với tài sản của Nhà nước. Làng cung cấp cho Nhà nước tô thuế, lao dịch, binh dịch. Vì vậy, Nhà nước phong kiến Việt Nam, về bản chất giai cấp là công cụ chuyên chính của giai cấp địa chủ phong kiến đối với nông dân và người lao động khác, nhưng chính xuất phát từ mối quan hệ giữa Nhà nước với làng xã mà từng thời kỳ cụ thể Nhà nước có những chính sách hài hòa giữa lợi ích Nhà nước với lợi ích làng xã. Chính sự hài hòa này tạo ra tính dân chủ làng xã trong truyền thống văn hóa pháp lý Việt Nam, bởi hai lý do:

Thứ nhất, làng xã là đơn vị kinh tế - xã hội, hành chính của Nhà nước. Làng xã Việt Nam đã xuất hiện từ cuối thời nguyên thủy, đầu thời dựng nước, là sản phẩm của nền công nghiệp lúa nước. Dưới các vương triều phong kiến nước ta, xã là một đơn vị hành chính (xã có một làng hoặc nhiều làng). Làng xã luôn có tính tự quản nhất định.

Thứ hai, hương ước là công cụ thực hiện dân chủ làng xã được Nhà nước thừa nhận. Trong xã hội phong kiến, bên cạnh hệ thống pháp luật của Nhà nước trung ương còn có hệ thống luật lệ của làng xã, được gọi chung là hương ước hay lệ làng. Hương ước, cũng như bản thân làng xã là sản phẩm của văn hóa lúa nước. Hương ước là Bộ tổng luật của làng xã, là công cụ điều chỉnh quan hệ mọi mặt của cư dân làng xã. Nó là công cụ tạo ra sức mạnh cộng đồng, đồng thời để phát huy sức mạnh vô địch của đoàn kết toàn dân. Hương ước còn là công cụ để làng xã xây dựng cuộc sống có tổ chức. Hương ước có lịch sử tồn tại hàng ngàn năm nay cho dù các thế lực xâm lược nước ngoài bao gồm cả phong kiến phương Bắc và thực dân Pháp đều rất muốn xóa bỏ, nhưng không xóa được. Hương ước là công cụ tự quản làng xã, có tính cụ thể, gắn với yêu cầu của từng làng, có tính cộng đồng và bảo đảm những điều kiện sống cơ bản cho người dân (ruộng đất, thủy lợi, môi trường, tín ngưỡng...), và được người dân tự nguyện thực hiện.

Hương ước với luật của Nhà nước có điểm giống nhau, đều là những quy ước điều chỉnh các mối quan hệ xã hội ở nhiều lĩnh vực, như kinh tế, văn hóa... và một chế độ thưởng, phạt nghiêm ngặt. Tuy nhiên, nội dung văn bản hương ước đơn giản hơn so với luật của Nhà nước. Chẳng hạn quy định về hôn nhân và gia đình, Bộ luật Hồng Đức quy định 58 điều, từ Điều 283 đến Điều 340; trong khi đó hương ước chỉ ghi nhận thành một vài điều ngắn gọn. Hình phạt hương ước đơn giản hơn luật nước, chủ yếu là phạt tiền hay hiện vật (trâu, lợn, gà, trâu, rượu), bồi thường thiệt hại, đánh đập, hạ ngôi thứ, đuổi khỏi làng. Hương ước điều chỉnh các quan hệ xã hội bằng những lời khuyên răn như: *Không nên, không được làm...* và thực hiện chủ yếu không những thông qua chế độ thưởng, phạt mà còn bằng *sức ép dư luận của dân làng*. Chính điều này góp phần giúp người dân bớt vi phạm lệ làng. Từ đó giúp người dân hạn chế vi phạm luật nước và chịu

(Xem tiếp trang 58)

phải tăng cường hiểu biết và kỹ năng của mình thông qua tự đào tạo và kinh nghiệm trực tiếp¹¹.

Những người không biết về quyền của họ thường bị tổn thương nhiều hơn khi bị lạm dụng và thường xuyên thiếu các công cụ hiệu quả để tự bảo vệ mình. Do vậy, giáo dục quyền con người cũng ngày càng được công nhận là một chiến lược hiệu quả để ngăn chặn việc vi phạm quyền con người.

¹¹ Nancy Flower, sdd.

(Tiếp theo trang 25 – Cơ sở của việc xây dựng...)

tác động pháp luật nhà nước qua tổ chức làng xã của mình. Xuất phát từ tính hiệu lực của hương ước và sự đồng thuận của cư dân làng xã, Nhà nước phải dành cho làng xã tính tự quản, thực hiện dân chủ trong làng xã. Với hệ thống cộng đồng làng xã tự quản, người nông dân có những quyền dân chủ nhất định. Cho nên, C.E. Boulevauv, một học giả người Pháp nhận định rằng: Trong xã hội An Nam đã có sự pha trộn giữa cường quyền và những quyền tự do quý báu¹⁶. Quyền dân chủ làng xã được Nhà nước phong kiến thừa nhận thông qua việc quản lý làng xã, đặt xã quan và đến thời Lê Sơ về sau Nhà nước kiểm soát quá trình soạn thảo, ban hành và thực hiện hương ước. Khi Nhà nước trung ương tập quyền càng phát triển thì mức độ tự quản làng xã càng thu hẹp nhưng hương ước vẫn là công cụ hữu hiệu để thực hiện dân chủ làng xã.

2.3 Tính dân tộc, tính nhân loại phổ biến

Tính dân tộc của truyền thống văn hóa pháp lý Việt Nam đó là những nếp nghĩ, hành vi trong đời sống pháp luật được lưu giữ, kế thừa, phát huy qua nhiều thế hệ mang cốt cách con người Việt Nam. Đó là ý thức tôn trọng quyền con người, pháp điển hóa pháp

Và vì vậy, đã đến lúc cùng với nhiều quốc gia trên thế giới, Việt Nam cần phải nghĩ đến một chiến lược giáo dục quyền con người dài hạn, thiết thực và hiệu quả. Song song với đó là chiến lược xây dựng Viện Nhân quyền quốc gia, các cơ quan chuyên môn về giáo dục quyền con người và đào tạo các nhà giáo dục quyền con người thật sự có tài năng và tâm huyết.

luật... Chính các yếu tố này đã hun đúc, kết tinh một nền văn hóa mang bản sắc đặc thù Việt Nam, tạo nên một sức sống lâu bền và hiện vẫn là nhân tố tích cực đóng góp vào diện mạo của nền văn hóa nước nhà trong thời kỳ đổi mới.

Không ai phủ nhận được truyền thống văn hóa pháp lý gắn liền với đời sống pháp luật của một cộng đồng, quốc gia, dân tộc. Truyền thống văn hóa pháp lý của một dân tộc bao giờ cũng chứa đựng tư tưởng tiến bộ của nhân loại như công bằng, nhân đạo, dân chủ và pháp chế, nhằm đảm bảo thực sự những giá trị xã hội được thừa nhận chung của nền văn minh thế giới – sự tôn trọng và bảo vệ các quyền và tự do của con người, sự ngự trị của pháp luật trong lĩnh vực hoạt động của Nhà nước, mối quan hệ Nhà nước với công dân... Vì vậy, truyền thống văn hóa pháp lý ngoài tính dân tộc còn có tính nhân loại phổ biến.

Qua đó, trong Nhà nước phong kiến Việt Nam đã hình thành một truyền thống văn hóa pháp lý với những giá trị tốt đẹp, được các thế hệ người Việt nâng niu, kế tục và phát huy qua nhiều thế hệ và ngày nay, những giá trị ấy đang phát huy tác dụng tích cực trong xây dựng nền văn hóa pháp lý nước ta. Văn hóa pháp lý góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

¹⁶ Nguyễn Thừa Hỷ, *Về tính lưỡng nguyên đối trọng trong xã hội, văn hóa Việt Nam truyền thống*, in trong Việt Nam học, tập 2, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2000, tr. 299.